TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh P

Bản án: 02/2020/KDTM
Ngày 30-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN AN LÃO – THÀNH PHỐ HẢI P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Văn Thắng;

2. Ông Lê Văn Minh.

***- T ký phiên tòa*:** Ông Lương Đăng Bùi - T ký Tòa án nhân dân Hện An Lão, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hện An Lão, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện An Lão, thành phố H tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh Tơng mại thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 742/2020/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 789/2020/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 799/2020/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn*: N (viết tắt là VIB);

Địa chỉ: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ - Chức vụ: Tổng Giám đốc N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức P, ông Nguyễn Lương H, ông Đặng H và bà Trần Thị Thanh N - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ N (theo giấy ủy quyền số 96403.20 ngày 14 tháng 4 năm 2020 của N); ông Nguyễn Đức P có mặt tại

phiên tòa; ông Nguyễn Lương H, ông Đặng H và bà Trần Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc L, đều trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn T, Hện A, thành phố H; đều vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc H, đều trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn T, Hện An Lão, tHnh phố H; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân Hện An Lão của người đại diện cho nguyên đơn là N (viết tắt là VIB) trình bày: VIB và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L có ký kết 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Ngày 15/5/2019, VIB và ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L ký kết hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 *(cho vay kinh doanh)* có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 02H8002629/HKD ngày 14/5/2019: VIB cho ông T, bà L vay số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 277.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019, mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, mua bán sửa chữa ô tô; thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 18/5/2019 đến ngày 17/02/2020; phương thức giải ngân vào tài khoản của người thụ hưởng Lương Thị Thu Hền, số tài khoản 2104205145549 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Kiến An; ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019 do chủ tài khoản ký là ông nguyễn Văn T; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10,2%/năm; lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2,2%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Cuối kỳ, trả lãi vào ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 16/6/2019.

- Ngày 15/5/2019, VIB và ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L ký kết hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 (cho vay tiêu dùng): VIB cho ông T, bà L vay số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 278.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019, mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ gia đình; thời hạn vay 95 tháng kể từ ngày 18/5/2019 đến ngày 17/04/2027; phương thức giải ngân vào tài khoản của người thụ hưởng Vũ Thái Linh, số tài khoản 2104205071283 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Kiến An; ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019 do chủ tài khoản ký ông nguyễn Văn T; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,7%/năm, lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng trả 4.210.000đ (bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng), tháng cuối cùng trả 4.260.000đ (bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng); kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 16/6/2019, ngày trả lãi vào ngày 16 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 16/6/2019.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay: Quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó đất làm nhà ở 147m^2, đất hành Lg giao thông 118m^2) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0114067, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06 QSDĐ/AL do ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T. Tài sản bảo đảm này đã được các bên ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 277.HĐTD1.099.19 ngày 15/5/2019; số công chứng 2617/2019; quyển số 01TPP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2019 tại Văn P Công chứng Gia P và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 ông T, bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với VIB, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên khoản vay theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 277.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 của hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.099.19 ngày 15/5/2019 đã bị cHển nợ quá hạn từ ngày 17/02/2020. Tạm tính đến ngày 17/6/2020 ông T, bà L đã trả cho VIB số tiền nợ gốc là 116.646.002đ (một trăm mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm linh hai đồng), nợ lãi là 62.661.456đ (sáu mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm lăm mươi sáu đồng). Ông T, bà L còn nợ tại VIB số tiền là 833.475.642đ (tám trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó nợ gốc là 783.353.998đ (bảy trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là 8.110.600đ (tám triệu một trăm mười nghìn sáu trăm đồng) và nợ lãi quá hạn là 42.011.044đ (bốn mươi hai triệu không trăm mười một nghìn không trăm bốn mươi tư đồng).

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019: VIB cho ông T và bà L vay số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với VIB nên khoản vay theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 278.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 của hợp đồng tín dụng số 278/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 đã bị cHển nợ quá hạn từ ngày 16/3/2020**.** Tạm tính đến ngày 17/6/2020 ông T, bà L đã trả cho VIB số tiền nợ gốc là: 37.890.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)**,** nợ lãi là: 37.348.707đ (ba mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm linh bảy đồng). Ông T, bà L còn nợ tại VIB là: 378.172.338đ (ba trăm bảy mươi tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là: 362.110.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu một trăm mười nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là: 15.317.511đ (mười năm triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm mười một đồng) và nợ lãi quá hạn là 744.827đ (bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng). Như vậy ông T, bà L còn nợ VIB theo 02 hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 17/6/2020 là:

1.211.647.980đ (một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng); trong đó nợ gốc là: 1.145.463.998đ (một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là: 23.428.111đ (hai mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn một trăm mười một đồng) và nợ lãi quá hạn là: 42.755.871đ (bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng).

Vì vậy VIB khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L phải trả nợ cho VIB số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử ngày 30/9/2020 là 1.145.363.998 đồng, nợ lãi trong hạn là 36.361.034 đồng, nợ lãi quá hạn là 79.251.767 và lãi phạt chậm trả là 1.276.179 đồng. Tổng cộng là 1.262.252.978 đồng của hợp đồng tín dụng đồng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông T, bà L thanh toán toàn bộ khoản vay cho VIB.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB thì ông T và bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB.

Đối với tài sản là 01 xưởng mái lợp tôn mạ màu, cột sắt, khung kẽm xây dựng trên diện tích đất thế chấp. Do toàn bộ tài sản này gắn liền với diện tích đất đã thế chấp, đây là một bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp theo khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 277.HĐTC1.009.19 ngày 15/5/2019, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có lời khai thể hiện: VIB khởi kiện ông và vợ ông là bà Lê Thị Ngọc L có ký kết hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 vay số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 vay số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Ông không vay tiền của VIB, riêng cá nhân ông không ký bất cứ một chữ ký nháy, ký họ và tên của ông trong 02 hợp đồng tín dụng trên để vay tiền của VIB, đối với bà L thì ông không biết. Ông không quen và không cHển khoản số tiền vay của hai hợp đồng trên cho Vũ Thái Linh và Lương Thị Thu Hền. Ông công nhận có ký vào 02 văn bản; 01 văn bản là ông đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là Nguyễn Văn T cho con trai ông là Nguyễn Văn P và con dâu là Hoàng Thị Ngọc Hà vay tiền của Ngân hàng. Ông xác nhận ký văn bản thứ hai là xác định giá trị của nhà và đất trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3. Ông và bà Lê Thị Ngọc L cùng ký và điểm chỉ vào 02 văn bản trên do con dâu ông là Hoàng Thị Ngọc Hà điện thoại cho ông và bà L sang văn P ở H khoảng 19 giờ 30 phút đến 21 giờ vào tháng 5/2019 làm thủ tục vay tiền của ngân hàng (địa chỉ cụ thể văn P và ngày ông không nhớ rõ). Thực

tế ông không giao dịch với cán bộ nào của VIB, không làm thủ tục tại VIB để vay số tiền của 02 hợp đồng tín dụng trên và ông chưa lần nào nhận tiền vay và trả lãi lần nào cho VIB nên ông không có trách nhiệm phải trả tiền cho VIB. Ông được xem chữ ký, họ và tên của ông ký trong 02 hợp đồng tín dụng ngày 15/5/2019 và chữ ký trong 02 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và chữ ký trong 02 ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019, ông thấy giống chữ ký của ông nhưng ông không ký vào 02 hợp đồng trên, còn việc ai là người ký thì ông không biết. đề nghị Tòa án tiến hành giám định chữ ký, họ và tên ông trong các văn bản trên. VIB khởi kiện buộc ông phải trả tiền vay của 02 hợp đồng tín dụng trên ông không đồng ý. Ông bị con dâu là Hoàng Thị Ngọc Hà kết hợp với cán bộ VIB lừa dối ông, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản là 01 xưởng lợp tôn mạ màu xây dựng trên toàn bộ diện tích đất của ông ký thế chấp cho ngân hàng, tài sản này của anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà xây dựng không được sự đồng ý của ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc L có lời khai thể hiện: Bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 vay số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 vay số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Tài sản thế chấp bảo đảm cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H đã được Ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là Nguyễn Văn T. Bà và ông T có mặt tại N vào hồi 14 giờ ngày 15/5/2019 để làm thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay tiền là hoàn toàn tự nguyện có công chứng đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc VIB giải ngân số tiền trên ông T và con trai ông bà là anh Nguyễn Văn P trực tiếp làm việc với VIB, bà nhất trí không có ý kiến gì. Quá trình thực hiện việc trả nợ không đúng cam kết, VIB đã khởi kiện bà và ông T trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ theo cam kết, VIB đề nghị phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 265m^2 đất (trong đó 147m^2 đất làm nhà ở và 118m^2 đất hành Lg giao thông) tại thửa đất 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Trường sơn, Hện An Lão, bà nhất trí. Đối với tài sản xây dựng trên đất thế chấp là 01 xưởng lợp tôn mạ màu, xà gồ kẽm, khung sắt do con trai và con dâu của bà và ông T là Nguyễn Văn P và Hoàng Thị Ngọc Hà làm vào khoảng tháng 5/2019 và được sự đồng ý của ông bà. VIB đề nghị phát mại tài sản thế chấp có liên quan đến tài sản của anh P và chị Hà xây dựng trên đất đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn P và vợ là chị Hoàng Thị Ngọc Hà có lời khai thể hiện: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc L là bố mẹ của anh chị. Ông T, bà L có diện tích 265m^2 đất (trong đó 147m^2 đất làm nhà ở và 118m^2 đất hành Lg giao thông) tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, H. Đất đã được Ủy ban nhân dân

Hện An Lão cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn T. Trong gia đình đã họp chia cho vợ chồng anh chị được quyền sử dụng diện tích đất trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ. Khi anh chị được sử dụng mảnh đất trên có 01 nhà xây cấp 4 đã cũ, được sự đồng ý của ông T, bà L, anh chị phá đi và xây dựng 01 xưởng mái lợp tôn mạ màu, cột sắt, xà gồ kẽm, nền đổ bê tông trên toàn bộ diện tích đất của ông T, bà L và diện tích đất liền kề của anh chị tại thửa đất số 103B, tờ bản đồ số 222- B- II, diện tích 120m^2 thuộc quyền sử dụng của anh chị vào tháng 5/2019. Việc ông T, bà L ký kết 02 hợp đồng tín dụng vay tiền của VIB tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất trên cho VIB là hoàn toàn tự nguyện. Ông T và bà L là người ký đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và giấy ủy nhiệm chi để cHển tiền trong việc làm kinh tế. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB vì ông T không trả nên anh chị là người trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho VIB. Đến thời điểm đầu năm 2020 do kinh tế khó khăn không trả nợ theo đúng cam kết nên VIB khởi kiện yêu cầu ông T và bà L trả nợ 02 hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông T, bà L không trả nợ thì VIB yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H. Tài sản trên đất là 01 xưởng lợp tôn mạ màu, cột khung sắt, xà gồ kẽm do anh chị xây dựng từ tháng 5/2019 thì anh chị đề nghị được mua lại tài sản phát mại là diện tích đất trên. Nếu anh chị không mua được tài sản phát mại thì đề nghị VIB tính giá trị tài sản là xưởng tôn của anh chị xây dựng trên đất của ông T, bà L theo giá thị trường tại thời điểm phát mại để thanh toán trả cho anh chị.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 xác định: Tài sản thế chấp quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất làm nhà ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0114067, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06 QSDĐ/AL do ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T. Hiện nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không cHển đổi, cHển nhượng cho ai. Tài sản trên đất có 01 xưởng tôn mái lợp tôn mạ màu, cột khung sắt, xà gồ kẽm có kích Tớc là 36,5m x 6,0m = 249m^2, nền sân đổ bê tông có kích Tớc 48m x 6,6m = 316,8m^2 của anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà xây dựng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện An Lão, thành phố H tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo cho các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn VIB có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc L về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay khẳng định: Căn cứ trên nội dung các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã nêu trên giữa VIB và ông T, bà L cùng kết luận giám định về chữ ký cho thấy có việc ông T, bà L ký hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 với VIB vay số tiền 1.300.000.000 đồng với số lãi quy định trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Việc ông T cho rằng mình không ký hợp đồng vay VIB là không có căn cứ. Tuy nhiên, ông T có ý kiến và đơn tố cáo gửi Tòa án, cho rằng ông hoàn toàn không ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là do bị lừa dối. Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, trên cơ sở đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn T, Viện kiểm sát nhân dân Hện An Lão nhận thấy còn có các vấn đề sau: Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ do ông T ký với VIB, ghi những người được thụ hưởng các khoản vay là ông Vũ Thái Linh và bà Lương Thị Thu Hền, ông T cho rằng mình không quen biết những người này. Đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các hợp đồng mua bán giữa ông T và ông Vũ Thái Linh, bà Lương Thị Thu Hền nhưng chỉ là bản sao, chưa lấy được lời khai của ông Linh, bà Hền và ông T về nội dung trong các hợp đồng mua bán nên chưa đủ căn cứ xác định ông T có thật sự ký kết các hợp đồng mua bán đó không, từ đó đánh giá quan hệ giữa ông T và ông Linh, bà Hền. Ông T trình bày ông ký hợp đồng bảo lãnh cho con trai ông là anh P vay tiền chứ không ký vào hợp đồng để vay tiền. Vào thời điểm ký kết là buổi tối nhưng ông không nhớ rõ là ở đâu, ông không để ý mình ký vào những nội dung gì mà do con trai và cán bộ ngân hàng lừa dối, còn vì sao thành hợp đồng tín dụng thì ông không biết, thực tế ông không vay tiền. Bản thân anh P cũng thừa nhận anh là người trực tiếp cùng vợ trả tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn. Bản thân ông T không biết ông Linh, bà Hền thì không thể vay để cHển tiền cho họ được. Từ những nội dung nêu trên cho thấy việc ký kết các hợp đồng tín dụng có dấu hiệu về việc ông T không tự nguyện. Với các lẽ đó, để đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách khách quan, đảm bảo quyền lợi của các đương sự, cần thiết phải cHển vụ việc đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiến hành thụ lý tin báo, điều tra, xác minh có hay không việc lừa dối ông T ký kết các hợp đồng tín dụng với nguyên đơn. Do đó, cần cHển vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an Hện An Lão để xác minh nội dung nêu trên. Trong trường hợp Cơ quan điều tra kết luận không có căn cứ khởi tố vụ án thì Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa VIB và ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L (ông T có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do Ủy ban

nhân dân Hện An Lão cấp ngày14/5/2019) nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H. Theo quy định Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Hện An Lão, thành phố H.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 được ký kết giữa VIB và ông T, bà L đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 khi giao kết hợp đồng. Do vậy đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, VIB đã thực hiện đúng các thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, VIB giải ngân cho ông T, bà L số tiền 900.000.0000đ (chín trăm triệu đồng) theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 277.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 của hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019, ông T là người ký ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019 cHển số tiền 900.000.000 đồng vào tài khoản của người thụ hưởng, tên chủ tài khoản: Lương Thị Thu Hền, số tài khoản 2104205145549 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Kiến An; VIB giải ngân cho ông T bà L số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 278.01KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 của hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019, ông T là người ký ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019 cHển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của người thụ hưởng, tên chủ tài khoản: Vũ Thái Linh, số tài khoản 2104205071283 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Kiến An. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay của hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 bị cHển nợ quá hạn từ ngày 17/2/2020; khoản vay của hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 bị cHển nợ quá hạn từ ngày 16/3/2020. Tính đến ngày xét xử (ngày 30/9/2020), ông T, bà L còn nợ VIB số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là 783.353.998 đồng; nợ số tiền gốc của hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là 362.010.000 đồng. Tổng số nợ gốc của 02 hợp đồng trên là 1.145.363.998 đồng. Vì vậy VIB khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả nợ theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ được chấp nhận.

Về lãi suất: Theo quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng có ghi: "*1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất H*

động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng".

"2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Khoản lãi suất này VIB xác định đến ngày 30/9/2020 (có bảng tính lãi kèm theo) của hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.01.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là 1.262.252.978đ (một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 1.145.363.998đ (một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là: 36.361.034đ (ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm ba mươi tư đồng), nợ lãi quá hạn là: 79.251.767đ (bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi phạt chậm trả là 1.276.179đ (một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi chín đồng). Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đối với hợp đồng vay tài sản khi đến hạn trả thì bên vay phải hoàn trả lại tài sản cho bên cho vay. VIB yêu cầu ông T, bà L phải trả số tiền gốc và lãi như trên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý trả nợ cho VIB vì ông cho rằng ông không ký kết bất cứ hợp đồng tín dụng nào vay tiền của VIB. Ông T có đơn tố cáo vợ ông là bà Lê Thị Ngọc L, con trai ông là anh Nguyễn Văn P, con dâu ông là chị Hoàng Thị Ngọc Hà và cán bộ VIB tại H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông gửi Công an Hện An Lão, thành phố H. Công an Hện An Lão tiến hành làm việc với ông T về nội dung Đơn tố cáo trên. Ông T không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông tố cáo, Công an Hện An Lão không thụ lý đơn tố cáo của ông T. Thực tế ông T có chữ ký, chữ viết họ và tên trong hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019; chữ ký, chữ viết họ tên trong đơn đề nghị kiêm khế ước giải ngân số 277.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 và chữ ký, chữ viết họ tên trong đơn đề nghị kiêm khế ước giải ngân số 278.01.KUNN1.009.19 ngày 17/5/2019 và chữ ký trong 02 ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019, ông T đề nghị giám định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu trên. Tại kết luận giám định số 95/KLGĐ ngày 12/8/2020 của P kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người ký viết ra. Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ giao dịch, hợp đồng mua bán hàng hóa ký kết giữa ông Nguyễn Văn T và ông Vũ Thái Linh; giữa ông T và bà Lương Thị Thu Hền. Vì vậy khẳng định ông T là người tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019

và hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019. Ông T phải có trách nhiệm cùng với bà L trả tiền nợ cho VIB đối với 02 hợp đồng tín dụng trên.

[5] Về yêu cầu phát mại đối với sản thế chấp của VIB: Việc ông T, bà L vay tiền của VIB và thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất làm nhà ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0114067, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06 QSDĐ/AL do ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn tự nguyện và thực hiện công khai, được công chứng hợp pháp và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Ông T, bà L không trả được nợ cho VIB, VIB đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp, cụ thể tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó đất làm nhà ở 147m^2 , đất hành Lg giao thông 118m^2) và tài sản gắn liền với đất là 01 xưởng mái lợp tôn mạ màu, khung sắt, xà gồ kẽm có kích Tớc chiều dài là 36,5m x 6.0m chiều rộng = 219 m^2 và 01 sân xưởng đổ bê tông có kích Tớc dài 48m x 6,6 m rộng = 316,8m^2, tài sản này của anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà xây dựng trên diện tích đất ông T, bà L đã thế chấp, tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H để thu hồi nợ. Đối với tài sản của anh P và chị Hà xây dựng sau khi ông T, bà L thế chấp quyền sử dụng đất cho VIB. Xét thấy tại khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 277.HĐTC1.009.19 ngày 15/5/2019 có nội dung cụ thể: "*Bất kỳ sự thay đổi (bao gồm cả việc xây dựng mới/tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên thửa đất), sửa chữa, nâng cấp nào của bên B đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp"*. Vì vậy, VIB đề nghị phát mại tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của ông T, bà L thì phải tính giá trị toàn bộ tài sản của anh P chị Hà xây dựng trên đất tại thời điểm phát mại tài sản để thanh toán trả cho anh P chị Hà.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của VIB được chấp nhận nên VIB không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho VIB.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho VIB. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tợng vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử miễn 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T. Bà L phải nộp 1/2 số tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với 1/2 số tiền phải trả cho VIB.

Về chi phí tố tụng: VIB nhận nộp tiền chi phí thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 5.000.000 đồng. VIB đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T là người yêu cầu giám định và phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 161; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 303, Điều 317; khoản 1 Điều 318; khoản 2 Điều 325; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N.

Buộc ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Lê Thị Ngọc L phải trả cho N tổng số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 và hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là: 1.262.252.978 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng); trong đó:

- Số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 277.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là 783.353.998đ (bảy trăm tám mươi ba triệu ba trăm lăm mươi ba nghìn chín trăm chín mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn là 8.110.600đ (tám triệu một trăm mười nghìn sáu trăm đồng); nợ lãi quá hạn là 77.572.570đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi đồng) và tiền lãi phạt chậm trả là 502.191đ (năm trăm linh hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng).

- Số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 278.HĐTD1.009.19 ngày 15/5/2019 là 362.010.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là: 28.250.434đ (hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm ba mươi tư đồng), nợ lãi quá hạn là 1.679.197đ (một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn một trăm chín mươi bảy đồng) và lãi phạt chậm trả là 773.989đ (bảy trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi chín đồng).

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Lê Thị Ngọc L không trả được số tiền nêu trên thì N có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng đất 265m^2 (trong đó 147m^2 đất làm nhà ở, 118m^2 đất hành Lg giao thông) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn Trường Sơn, Hện An Lão, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0114067, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06 QSDĐ/AL do ủy ban nhân dân Hện An Lão, thành phố H cấp ngày 23/9/1996 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn T để thu hồi số nợ.

N khi phát mại tài sản trên phải thanh toán trả anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà giá trị tài sản tại thời điểm phát mại là 01 xưởng mái lợp tôn mạ màu, cột khung sắt, xà gồ kẽm có kích Tớc là 36,5m x 6,0m = 219m^2, nền sân xưởng đổ bê tông có kích Tớc 48m x 6,6m = 316,8m^2 được xây dựng trên đất của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc L.

Trong trường hợp việc phát mại tài sản không đủ để trả nợ, ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Lê Thị Ngọc L phải tiếp tục trả nợ cho N cho đến khi trả nợ hết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm; bà Lê Thị Ngọc L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.933.000đ (đã làm tròn số là hai mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: N nhận nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (năm triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng). N đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T phải nộp chi phí giám định chữ ký là 8.160.000đ (tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn T số tiền 1.840.000đ (một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T đã nhận đủ số tiền.

Trả lại cho N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.708.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng) tại biên lai số 0011420 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Hện An Lão, thành phố H.

N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P và chị Hoàng Thị Ngọc Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án (ông T, bà L) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND Hện An Lão;
- Chi cục Thi hành án DS Hện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn

I- Tài liệu trong hồ sơ vụ án: (tập 1 KDTM)

1.HĐTD số 217/HĐTD/11 ngày 14/04/2011 vay 2, 5 tỷ đồng (BL: 14);

2. Khế ước nhận nợ năm 2011: 1,4 tỷ và 1,5 tỷ (BL số: 15-16);

3. HĐ thế chấp tài sản bên thứ 3 Ông Bồn - bà Lửu: BL số 17- 22;

4. Giấy chứng nhận ông Bồn- bà Lửu: BL số 23 -24;

5. Bản tự khai bà Oanh - ông Khánh: BL số 85-86;

6. Bản tự khai VIB: BL83 -84;

7. Bản tự khai bà Lửu- ông Bồn: BL số87 -89;

8. Quyết định hập vụ án KDTM- DS: BL số 97.

II. Tài liệu hồ sơ vụ án: (Tập 2 Dân sự)

1. HĐTD số 241/HĐTD1-VIB30/09 ngày 23/6/2009: BL số 38- 127;
2. Lời khai của bà Lửu- ông Bồn.: BL số: 82-83-84;
3. Lời khai của bà Oanh- ông Khánh. BL số: 85-86;
4. Bien bản thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2019: BL số 147- 150;
5. Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất; BL số: 151, 152;
6. Lời khai của người đại diện VIB (Thu); BL số: 156- 157;
7. Đơn sủa đổi bổ sung đơn khởi kiện của VIB : BL số: 168-169;
8. HĐTD bản chính của VIB: BL số: 171-173;
9. 02 khế ước 1,4 tỷ+ 1,1 tỷ đã tất toán; BL số: 178-179;
10. Tập nhận tiền 1,4 tỷ và 1,1 tỷ của bà Oanh; BL số: 199-202;
11. Tập phiếu thu nợ tiền của VIB bà Oanh trả: 1,4 tỷ + 1,1 tỷ: BL: 211-214;
12. **04 khế ước nhận nợ năm 2012 (2,5 tỷ); BL số: 179-182;**
13. **Tập bà Oanh nhận tiền của VIB 04 khế ước năm 2012; BL số: 191- 198;**
14. Tập VIB giải ngân cho bà Oanh của 04 khế ước= 2,5 tỷ. Từ BL: 217 -228.
15. Lời khai bà Oanh công nhận vay VIB 2,tỷ đồng. Nhưng ko nhanạ cHển tiền cho bà Đan Phượng?

16. Kết quả thẩm định An Dương: BL số: 255-256;

17. Biên bản xác minh An Dương: BL số: 264-266;

18. Giấy ủy quyền củ VIB cho Lê Thị Thùy Dương và Nguyễn Lương H: BL số: 277-278**.**